TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 24/2023/QĐST –DS	*Vũng Liêm, ngày 19 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 121/2022/TLST - DS ngày 10 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Chí T1**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ cư trú: Khóm Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tn.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Văn N**, sinh năm: 1982.

Chị **Trần Thị D1**, sinh năm: 1982.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Hb, xã Hn, huyện V, tỉnh L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh **Lê Văn S**, sinh năm: 1970.

+ Chị **Lâm Thị L**, sinh năm: 1973.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Nc, xã Hn, huyện V, tỉnh L.

+ Chị **Lê Anh T2**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ cư trú: ấp Hh, xã Th, huyện V, tỉnh L.

+ Ông **Nguyễn Văn D2**, sinh năm: 1964.

Địa chỉ cư trú: ấp Pc, xã Ht, huyện V, tỉnh L.

+ Ông **Võ Văn K**, sinh năm: 1964.

Địa chỉ cư trú: ấp Np, xã Hn, huyện V, tỉnh L.

+ Chị **Nguyễn Tuyết H**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ cư trú: ấp Np, xã Hn, huyện V, tỉnh L.

+ Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: ấp Hx, xã Ht, huyện V, tỉnh L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Anh Nguyễn Chí T1, anh Lê Văn N, chị Trần Thị D1, anh Lê Văn S, chị Lâm Thị L, chị Lê Anh T2, ông Nguyễn Văn D2, ông Võ Văn K, chị Nguyễn Tuyết H và bà Nguyễn Thị K cùng thống nhất thỏa thuận như sau:

- Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/05/2012 giữa anh Nguyễn Chí T1 với anh Lê Văn N, chị Trần Thị D1 tại thửa đất số 662, diện tích 4.088,2m^2, tờ bản đồ số 005, đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Hb, xã Hn, huyện V, tỉnh L do chị Trần Thị D1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Vô hiệu hợp đồng thuê đất ngày 20/02/2021 giữa ông Lê Văn S, bà Lâm Thị L với anh Lê Văn N, chị Trần Thị D1 tại thửa đất số 662, diện tích 4.088,2m^2 thuộc tờ bản đồ số 005, đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Hb, xã Hn, huyện V, tỉnh L do chị Trần Thị D1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Ông Lê Văn S, bà Lâm Thị L phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Lê Văn N và chị Trần Thị D1 phần đất diện tích 4.088,2m^2 (theo các mốc số 1, 2, 3, 4, 1), tờ bản đồ số 005, đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Hiếu Hòa B, xã Hiếu Nhơn, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do chị Trần Thị D1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Vị trí, kích thước, giáp cận của phần đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Vũng Liêm kèm theo quyết định.

- Anh Lê Văn N và chị Trần Thị D1 phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Chí T1 số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

- Anh Lê Văn N và chị Trần Thị D1 phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Văn S, bà Lâm Thị L số tiền thuê đất là 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng) và giá trị cây cam là 560.000.000đ (năm trăm sáu mươi triệu đồng), tổng cộng là 656.000.000đ (sáu trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án

còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản: số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng) anh Lê Văn N và chị Trần Thị D1 tự nguyện chịu toàn bộ. Nên anh Lê Văn N và chị Trần Thị D1 phải nộp 5.000.000đ (năm triệu đồng) để hoàn trả lại cho anh Nguyễn Chí T1 do anh Nguyễn Chí T1 đã đóng tạm ứng trước.

**Án phí dân sự sơ thẩm*:

- Anh Lê Văn N và chị Trần Thị D1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên anh Lê Thanh Ngẩn và chị Trần Thị D1 phải nộp 22.140.000đ (hai mươi hai triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Anh Nguyễn Chí T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Chí T1 số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N^{0} 0008309 ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

- Ông Lê Văn S và bà Lâm Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn S số tiền 15.120.000đ (mười lăm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N^{0} 0008672 ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

- Chị Lê Anh T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Lê Anh T2 số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N^{0} 0008648 ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

- Ông Nguyễn Văn D2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn D2 số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N^{0} 8647 ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

- Ông Võ Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Võ Văn K số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N^{0} 0008645 ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

- Chị Nguyễn Tuyết H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Tuyết H số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N^{0} 0008646 ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm

- Bà Nguyễn Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quế Hương